

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI DẦU KHÍ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
QUÍ IV NĂM 2010

Tại thời điểm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010



TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ QUỐC GIA VIỆT NAM
TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI DẦU KHÍ

Tầng 4, Tòa nhà H3, số 384 Hoàng Diệu, P.6, Q.4, Tp. Hồ Chí Minh, Việt Nam
Tel: (84.8) 3 911 1301 Fax: (84.8) 3 911 1300 Website: <http://www.pvtrans.com>

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT TÓM TẮT
QUÝ 4 NĂM 2010

A - BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Đơn vị tính : VND

NỘI DUNG	Số cuối quý	Số đầu năm
I. TÀI SẢN NGẮN HẠN	2,063,561,544,393	1,558,831,809,006
1 Tiền và các khoản tương đương tiền	1,031,379,455,090	1,017,523,153,456
2 Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	256,563,483,904	63,704,125,219
3 Các khoản phải thu	606,358,486,259	358,534,464,218
4 Hàng tồn kho	115,706,152,097	85,482,356,722
5 Tài sản ngắn hạn khác	53,553,967,043	33,587,709,391
II. TÀI SẢN DÀI HẠN	5,695,048,178,078	4,828,781,689,351
1 Các khoản phải thu dài hạn	969,508,500	-
2 Tài sản cố định	5,436,609,923,262	4,620,979,212,083
- Tài sản cố định hữu hình	4,496,719,343,200	3,705,536,058,963
- Tài sản cố định vô hình	735,527,375	571,849,402
- Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	939,155,052,687	914,871,303,718
4 Bất động sản đầu tư	8,511,460,000	8,511,460,000
5 Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	57,154,026,600	48,516,939,351
6 Tài sản dài hạn khác	191,803,259,716	150,774,077,917
III. LỢI THẾ THƯƠNG MẠI	8,925,000,000	-
TỔNG TÀI SẢN	7,767,534,722,471	6,387,613,498,357
IV. NỢ PHẢI TRẢ	4,644,869,264,280	4,253,170,255,127
1 Nợ ngắn hạn	1,449,107,807,026	1,556,849,052,022
2 Nợ dài hạn	3,195,761,457,254	2,696,321,203,105
3 Nợ khác		
V. VỐN CHỦ SỞ HỮU	2,328,037,318,310	1,436,906,122,742
1 Vốn chủ sở hữu	2,328,037,318,310	1,436,906,122,742
- Vốn kinh doanh	2,326,000,000,000	1,476,000,000,000
- Thặng dư vốn cổ phần	271,338,821	-
- Cổ phiếu quỹ(*)	-	-
- Chênh lệch tỷ giá hối đoái	(113,375,440,541)	(112,826,981,715)
- Các quỹ	61,455,241,271	27,305,860,163
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	53,686,178,759	46,427,244,294
2 Nguồn kinh phí	-	-
- Quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-
VI. LỢI ÍCH CỦA CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ	794,628,139,881	697,537,120,488
TỔNG NGUỒN VỐN	7,767,534,722,471	6,387,613,498,357

B - KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

STT	Chỉ tiêu	Kỳ báo cáo	Lũy kế
1	Doanh thu bán hàng và dịch vụ	1,032,987,791,993	3,527,449,425,374
2	Các khoản giảm trừ	-	54,394,663
3	Doanh thu thuần về bán hàng và dịch vụ	1,032,987,791,993	3,527,395,030,711
4	Giá vốn hàng bán	941,457,031,035	3,160,228,311,750
5	Lợi nhuận gộp về bán hàng và dịch vụ	91,530,760,958	367,166,718,961
6	Doanh thu hoạt động tài chính	95,465,283,921	195,595,114,620
7	Chi phí tài chính	126,417,023,651	395,697,395,066
8	Lợi nhuận thuần từ hoạt động tài chính	(30,951,739,730)	(200,102,280,446)
9	Chi phí bán hàng	951,250,052	4,511,142,244
10	Chi phí quản lý doanh nghiệp	24,758,117,051	95,483,313,452
11	Doanh thu khác	17,724,609,516	39,369,836,056
12	Chi phí khác	20,697,034,832	38,865,113,417
13	Lợi nhuận khác	(2,972,425,316)	504,722,639
14	Lợi nhuận trước thuế	31,897,228,809	67,574,705,458
15	Thuế thu nhập phải nộp	8,374,788,621	47,502,793,874
17	Lợi nhuận sau thuế	23,522,440,189	20,071,911,584
	- Cổ đông thiểu số	15,825,702,945	(33,815,424,157)
	- Cổ đông Công ty mẹ	7,696,737,244	53,887,335,741
18	Thu nhập trên mỗi cổ phiếu	33	234

C. CÁC CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH CƠ BẢN

STT	Chỉ tiêu	Kỳ báo cáo	Kỳ trước
1	Cơ cấu tài sản:		
	Tài sản cố định / Tổng tài sản	69.99%	69.79%
	Tài sản lưu động / Tổng tài sản	26.57%	27.55%
2	Cơ cấu nguồn vốn:		
	Nợ phải trả / Tổng nguồn vốn	59.80%	62.02%
	Nguồn vốn chủ sở hữu/ Tổng nguồn vốn	29.97%	29.57%
3	Khả năng thanh toán - (lần)		
	Khả năng thanh toán nhanh	1.31	1.44
	Khả năng thanh toán hiện hành	1.42	1.55
4	Tỷ suất lợi nhuận:		
	Tỷ suất LN trước thuế / Tổng tài sản	0.41%	-0.52%
	Tỷ suất LN sau thuế / Doanh thu thuần	2.28%	-5.40%
	Tỷ suất LN sau thuế / Nguồn vốn CSH	1.01%	-1.93%

Lập ngày 16 tháng 02 Năm 2011

NGƯỜI LẬP

KẾ TOÁN TRƯỞNG

TỔNG GIÁM ĐỐC







TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ QUỐC GIA VIỆT NAM
TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI DẦU KHÍ

Tầng 4, Tòa nhà H3, số 384 Hoàng Diệu, P.6, Q.4, Tp. Hồ Chí Minh, Việt Nam
Tel: (84.8) 3 911 1301 Fax: (84.8) 3 911 1300 Website: <http://www.pvtrans.com>

Mẫu số B 01-DN/HN (Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010

Đơn vị tính : VNĐ

TÀI SẢN	Mã số	T minh	Số cuối Quý	Số đầu năm
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=110+120+130+140+150)	100		2,063,561,544,393	1,558,831,809,006
I Tiền và các khoản tương đương tiền	110		1,031,379,455,090	1,017,523,153,456
1 Tiền	111	V.01	354,247,536,490	131,969,911,658
2 Các khoản tương đương tiền	112		677,131,918,600	885,553,241,798
II Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	V.02	256,563,483,904	63,704,125,219
1 Đầu tư ngắn hạn	121		260,365,456,984	66,869,816,219
2 Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư ngắn hạn (*)	129		(3,801,973,080)	(3,165,691,000)
III Các khoản phải thu	130		606,358,486,259	358,534,464,218
1 Phải thu của khách hàng	131	V.03	451,268,510,154	295,358,659,805
2 Trả trước cho người bán	132	V.03	64,201,064,840	37,889,043,873
3 Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4 Phải thu theo tiến độ kế hoạch HĐXD	134		-	-
5 Các khoản phải thu khác	135	V.03	111,191,821,066	34,001,927,866
6 Dự phòng các khoản phải thu khó đòi (*)	139		(20,302,909,801)	(8,715,167,326)
IV Hàng tồn kho	140		115,706,152,097	85,482,356,722
1 Hàng tồn kho	141	V.04	115,706,152,097	85,482,356,722
2 Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149		-	-
V Tài sản ngắn hạn khác	150		53,553,967,043	33,587,709,391
1 Chi phí trả trước ngắn hạn	151		21,665,251,329	18,206,787,966
2 Thuế GTGT được khấu trừ	152		19,168,753,951	10,821,100,464
3 Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	154	V.05	4,027,769,617	896,000
5 Tài sản ngắn hạn khác	158	V.03	8,692,192,146	4,558,924,961
B. TÀI SẢN DÀI HẠN (200=210+220+240+250+260)	200		5,695,048,178,078	4,828,781,689,351
I Các khoản phải thu dài hạn	210		969,508,500	-
1 Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2 Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	212		-	-
3 Phải thu dài hạn nội bộ	213	V.06	-	-
4 Phải thu dài hạn khác	218	V.07	969,508,500	-
5 Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)	219		-	-

TÀI SẢN	Mã số	T minh	Số cuối Quý	Số đầu năm
- Nguyên giá	222		6,108,515,100,489	4,837,488,802,473
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(1,611,795,757,289)	(1,131,952,743,510)
2 Tài sản cố định thuê tài chính	224	V.09	-	-
- Nguyên giá	225		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	226		-	-
3 Tài sản cố định vô hình	227	V.10	735,527,375	571,849,402
- Nguyên giá	228		1,342,376,520	916,446,520
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		(606,849,145)	(344,597,118)
4 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.11	939,155,052,687	914,871,303,718
III Bất động sản đầu tư	240	V.12	8,511,460,000	8,511,460,000
1 Nguyên giá	241		8,511,460,000	8,511,460,000
2 Giá trị hao mòn lũy kế (*)	242		-	-
IV Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		57,154,026,600	48,516,939,351
1 Đầu tư vào Công ty con	251		-	-
2 Đầu tư vào Công ty liên kết, liên doanh	252		-	24,679,264,151
3 Đầu tư dài hạn khác	258	V.13	57,154,026,600	23,837,675,200
4 Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn (*)	259		-	-
V Tài sản dài hạn khác	260		191,803,259,716	150,774,077,917
1 Chi phí trả trước dài hạn	261	V.14	176,732,809,832	147,771,488,875
2 Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	V.21	926,282,309	795,317,042
3 Tài sản dài hạn khác	268		14,144,167,575	2,207,272,000
C. LỢI THẾ THƯƠNG MẠI	269		8,925,000,000	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200+269)	270		7,767,534,722,471	6,387,613,498,357
NGUỒN VỐN	Mã số	T minh	Số cuối Quý	Số đầu năm
A. NỢ PHẢI TRẢ (300=310+330)	300		4,644,869,264,280	4,253,170,255,127
I Nợ ngắn hạn	310		1,449,107,807,026	1,556,849,052,022
1 Vay và nợ ngắn hạn	311	V.15	910,767,522,688	583,441,725,031
2 Phải trả người bán	312		289,679,870,902	514,872,940,868
3 Người mua trả tiền trước	313		1,611,916,310	6,271,775,002
4 Thuế và các khoản phải nộp nhà nước	314	V.16	28,487,773,728	21,463,994,191
5 Phải trả người lao động	315		30,483,500,835	16,129,946,747
6 Chi phí phải trả	316	V.17	139,428,060,137	112,294,294,915
7 Phải trả nội bộ	317		-	-
8 Phải trả theo tiến độ kế hoạch HĐXD	318		-	-
9 Các khoản phải trả phải nộp ngắn hạn khác	319	V.18	43,172,670,115	299,927,778,284
10 Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		-	-
11 Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		5,476,492,310	2,446,596,984
II Nợ dài hạn	330		3,195,761,457,254	2,696,321,203,105
1 Phải trả dài hạn người bán	331		-	-

TÀI SẢN	Mã số	T minh	Số cuối Quý	Số đầu năm
2 Phải trả dài hạn nội bộ	332	V.19	-	-
3 Phải trả dài hạn khác	333		3,012,192,414	2,916,134,839
4 Vay và nợ dài hạn	334	V.20	3,192,480,897,962	2,693,114,156,591
5 Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335	V.21	-	-
6 Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		268,366,878	290,911,675
7 Dự phòng phải trả dài hạn	337		-	-
8 Quỹ Phát triển khoa học & Công nghệ	339		-	-
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU (400=410+430)	400		2,328,037,318,310	1,436,906,122,742
I Vốn chủ sở hữu	410	V.22	2,328,037,318,310	1,436,906,122,742
1 Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		2,326,000,000,000	1,476,000,000,000
2 Thặng dư vốn cổ phần	412		271,338,821	-
3 Vốn khác của chủ sở hữu	413		-	-
4 Cổ phiếu quỹ (*)	414		-	-
5 Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	-
6 Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		(113,375,440,541)	(112,826,981,715)
7 Quỹ đầu tư phát triển	417		42,505,421,650	21,356,553,290
8 Quỹ dự phòng tài chính	418		16,543,228,751	4,749,579,524
9 Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		2,406,590,870	1,199,727,349
10 Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		53,686,178,759	46,427,244,294
11 Nguồn vốn đầu tư XDCB	421		-	-
II Nguồn kinh phí, quỹ khác	430		-	-
1 Quỹ khen thưởng, phúc lợi	431		-	-
2 Nguồn kinh phí	432	V.23	-	-
3 Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	433		-	-
C. LỢI ÍCH CỦA CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ	439		794,628,139,881	697,537,120,488
Tổng cộng nguồn vốn (440=300+400+439)	440		7,767,534,722,471	6,387,613,498,357

CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG	T minh	Số cuối Quý	Số đầu năm
1 Ngoại tệ các loại : USD		598,854.35	4,822,343.32
Ngoại tệ các loại : EUR		441.08	452.00

Lập, Ngày 16 tháng 2 Năm 2011

NGƯỜI LẬP



KẾ TOÁN TRƯỞNG



TỔNG GIÁM ĐỐC





TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ QUỐC GIA VIỆT NAM
TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI DẦU KHÍ

Tầng 4, Tòa nhà H3, số 384 Hoàng Diệu, P.6, Q.4, Tp. Hồ Chí Minh, Việt Nam
Tel: (84.8) 3 911 1301 Fax: (84.8) 3 911 1300 Website: <http://www.pvtrans.com>

Mẫu số B 02-DN/HN (Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT
QUÍ 4 NĂM 2010

Đơn vị tính : VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Th minh	Quý báo cáo		Lũy kế đầu năm đến kỳ báo cáo	
			Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
1	2	3	4	5	6	7
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.25	1,032,987,791,993	803,358,678,261	3,527,449,425,374	1,923,657,126,693
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	(28,672,549)	54,394,663	6,711,948
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10		1,032,987,791,993	803,387,350,810	3,527,395,030,711	1,923,650,414,745
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.28	941,457,031,035	687,451,204,537	3,160,228,311,750	1,774,512,002,991
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		91,530,760,958	115,936,146,273	367,166,718,961	149,138,411,754
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.29	95,465,283,921	21,839,954,399	195,595,114,620	128,222,242,580
7. Chi phí tài chính	22	VI.30	126,417,023,651	111,263,185,615	395,697,395,066	186,075,586,110
Trong đó : Chi phí lãi vay	23		29,565,658,040	41,063,781,586	131,245,727,188	105,480,410,708
8. Chi phí bán hàng	24		951,250,052	564,136,261	4,511,142,244	3,518,959,810
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		24,758,117,051	31,173,509,596	95,483,313,452	89,899,299,690
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh:	30		34,869,654,125	(5,224,730,800)	67,069,982,819	(2,133,191,276)
11. Thu nhập khác	31		17,724,609,516	11,928,374,946	39,369,836,056	13,952,811,083
12. Chi phí khác	32		20,697,034,832	2,193,350,566	38,865,113,417	2,324,990,420
13. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		(2,972,425,316)	9,735,024,380	504,722,639	11,627,820,663
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		31,897,228,809	4,510,293,580	67,574,705,458	9,494,629,387
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.31	8,505,753,888	6,281,656,006	47,633,759,141	24,127,408,709
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	VI.32	(130,965,267)	2,199,540,621	(130,965,267)	2,199,540,621
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50-51-52)	60		23,522,440,189	(3,970,903,047)	20,071,911,584	(16,832,319,943)
Trong đó: Cổ đông thiểu số	61		15,825,702,945	(12,612,706,813)	(33,815,424,157)	(25,559,341,396)
Cổ đông Công ty mẹ	62		7,696,737,244	8,641,803,767	53,887,335,741	8,727,021,453
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (*)	70		33	59	234	59

Lập, Ngày 16 tháng 2 Năm 2011

NGƯỜI LẬP

KẾ TOÁN TRƯỞNG

TỔNG GIÁM ĐỐC



TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ QUỐC GIA VIỆT NAM
TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI DẦU KHÍ

Tầng 4, Tòa nhà H3, số 384 Hoàng Diệu, P.6, Q.4, Tp. Hồ Chí Minh, Việt Nam
Tel: (84.8) 3 911 1301 Fax: (84.8) 3 911 1300 Website: <http://www.pvtrans.com>

Mẫu số B 03-DN/HN (Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

Từ ngày 01/01/2010 đến ngày 31/12/2010

Đơn vị tính : VNĐ

CHỈ TIÊU	Mã số	Th minh	Lũy kế đầu năm đến kỳ báo cáo	
			Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền tệ từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		67,574,705,458	9,494,629,387
2. Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao TSCĐ	02		480,105,265,806	339,576,059,866
- Các khoản dự phòng	03		11,587,742,475	8,605,419,646
- Lãi/ lỗ chênh lệch tỷ giá hoái đoái chưa thực hiện	04		165,104,326,712	41,101,367,656
- Lãi/ lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(140,781,677,858)	(71,280,557,971)
- Chi phí lãi vay	06		131,245,727,188	105,029,878,472
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		714,836,089,781	432,526,797,056
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		233,505,466,204	(142,149,641,054)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(30,223,795,375)	(61,749,732,707)
- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay, thuế thu nhập phải nộp)	11		989,797,039,960	432,594,500,383
- Tăng giảm chi phí trả trước	12		32,419,784,320	(144,451,967,348)
- Tiền lãi vay đã trả	13		(79,082,235,111)	(166,142,906,581)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14		(42,182,442,095)	(36,309,800,795)
- Tiền thu khác từ hoạt động sản xuất kinh doanh	15		85,342,356,131	130,478,824,351
- Tiền chi khác từ hoạt động sản xuất kinh doanh	16		(328,842,846,284)	(2,637,055,404)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		1,575,569,417,531	442,159,017,901
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	6,7,8,9	(1,295,735,976,985)	(1,629,287,692,501)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		15,850,000	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(425,115,036,000)	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		321,929,400,000	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(253,356,592,456)	(157,991,530,219)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	168,088,560,200
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		140,781,677,858	70,785,099,297
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(1,511,480,677,583)	(1,548,405,563,223)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	21	51,000,000	-
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32	21	-	-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		355,560,136,000	1,300,389,649,523
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(405,051,721,408)	(1,173,695,600,135)

CHỈ TIÊU	Mã số	Th minh	Lũy kế đầu năm đến kỳ báo cáo	
			Năm nay	Năm trước
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	21	-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(49,440,585,408)	126,694,049,388
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (20+30+40)	50		14,648,154,540	(979,552,495,934)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		1,017,523,153,456	1,997,075,649,391
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		(791,852,906)	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (50+60+61)	70	29	1,031,379,455,090	1,017,523,153,457

Lập, Ngày 16 tháng 2 Năm 2011

NGƯỜI LẬP



KẾ TOÁN TRƯỞNG



TỔNG GIÁM ĐỐC





TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ QUỐC GIA VIỆT NAM
TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI DẦU KHÍ

Tầng 4, Tòa nhà H3, số 384 Hoàng Diệu, P.6, Q.4, Tp. Hồ Chí Minh, Việt Nam
Tel: (84.8) 3 911 1301 Fax: (84.8) 3 911 1300 Website: <http://www.pvtrans.com>

Mẫu số B 09-DN/HN (Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

QUÍ IV NĂM 2010

I Đặc điểm hoạt động của Doanh Nghiệp

1. Hình thức sở hữu vốn : Vốn thuộc sở hữu Công ty Cổ phần
2. Lĩnh vực kinh doanh : Dịch vụ - Thương mại
3. Ngành nghề kinh doanh :

Kinh doanh vận tải dầu thô và các sản phẩm khí; tham gia đào tạo và cung ứng thuyền viên cho các tàu vận tải dầu khí, cho thuê tàu biển và phương tiện vận tải khác cho các đối tác trong và ngoài nước. Kinh doanh dịch vụ môi giới tàu biển, đại lý hàng hải, cung ứng tàu biển, dịch vụ sửa chữa tàu biển và các dịch vụ hàng hải khác...

4. Các đơn vị thành viên:

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI DẦU KHÍ HÀ NỘI

- Vốn điều lệ : 80,000,000,000
- Tỷ lệ phần sở hữu : 97.25%
- Tỷ lệ quyền biểu quyết : 97.25%
- Nơi đăng ký hoạt động : Tổ 28, Nguyễn Thị Định, Phường Trung hoà, Quận Cầu giấy, Hà nội
- Ngành nghề kinh doanh:

- Kinh doanh vận tải dầu thô và các sản phẩm khí, cung ứng dịch vụ hàng hải, sửa chữa tàu biển và phương tiện nổi, thuê và cho thuê tàu biển, phương tiện vận tải khác. Kinh doanh xuất khẩu các mặt hàng công, nông, ngư nghiệp, đồ dùng gia đình và cá nhân, dịch vụ tuyển dụng và cung ứng lao động trong nước, dịch vụ tư vấn, quản lý bất động sản. Lữ hành nội địa và dịch vụ phục vụ khách du lịch, sản xuất phần mềm tin học, cung cấp dịch vụ giải pháp tin học, và mua bán thiết bị tin học.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI DẦU KHÍ VŨNG TÀU

- Vốn điều lệ : 80,000,000,000
- Tỷ lệ phần sở hữu : 95.00%
- Tỷ lệ quyền biểu quyết : 95.00%
- Nơi đăng ký hoạt động : Tầng 4, Tòa nhà 208 Thống nhất, P.8, TP.Vũng tàu
- Ngành nghề kinh doanh:

- Kinh doanh vận tải dầu thô và các sản phẩm khí, cung ứng dịch vụ hàng hải, sửa chữa tàu biển và phương tiện nổi, thuê và cho thuê tàu biển, phương tiện vận tải khác. Tuyển dụng, đào tạo và cung ứng thuyền viên, kinh doanh xuất khẩu các mặt hàng công, nông, ngư nghiệp, và các mặt hàng phục vụ đời sống dân sinh.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI DẦU KHÍ THÁI BÌNH DƯƠNG

- Vốn điều lệ : 1,200,000,000,000
- Tỷ lệ phần sở hữu : 51.00%
- Tỷ lệ quyền biểu quyết : 64.92%
- Nơi đăng ký hoạt động : Tầng 4, Toà nhà H3, 384 Hoàng Diệu - Q.4 - Tp.HCM
- Ngành nghề kinh doanh:



TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ QUỐC GIA VIỆT NAM
TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI DẦU KHÍ

Tầng 4, Tòa nhà H3, số 384 Hoàng Diệu, P.6, Q.4, Tp. Hồ Chí Minh, Việt Nam
Tel: (84.8) 3 911 1301 Fax: (84.8) 3 911 1300 Website: <http://www.pvtrans.com>

- Kinh doanh vận tải dầu thô. Đào tạo nghề. Dịch vụ giới thiệu việc làm. Cho thuê phương tiện vận tải. Dịch vụ môi giới tàu biển, Đại lý hàng hải. Cung ứng, sửa chữa tàu biển...

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI XĂNG DẦU PHƯƠNG NAM

- Vốn điều lệ : 382,565,080,000
- Tỷ lệ phần sở hữu : 53.75%
- Tỷ lệ quyền biểu quyết : 53.75%
- Nơi đăng ký hoạt động : Tầng 4, Tòa nhà H3, 384 Hoàng Diệu - Q.4 - Tp.HCM
- Ngành nghề kinh doanh:
 - Kinh doanh vận tải xăng dầu bằng đường biển. Đại lý kinh doanh xăng dầu. Cho thuê phương tiện vận tải. Dịch vụ môi giới, cung ứng, sửa chữa tàu biển, Dịch vụ đại lý hàng hải.

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN PHẨM KHÍ QUỐC TẾ

- Vốn điều lệ : 300,000,000,000
- Tỷ lệ phần sở hữu : 65.00%
- Tỷ lệ quyền biểu quyết : 65.00%
- Nơi đăng ký hoạt động : 35 Tôn Đức Thắng, Phường Bến Nghé, Quận 1, Tp.HCM
- Ngành nghề kinh doanh:
 - Mua bán phương tiện vận tải, cho thuê tàu, kinh doanh vận tải hàng bằng ô tô, đường thủy nội địa, kinh doanh vận tải biển và cung cấp các dịch vụ đại lý tàu biển, môi giới hàng hải, cung ứng tàu biển, kiểm đếm hàng hóa, vệ sinh tàu biển, sửa chữa tàu biển tại cảng, giao nhận hàng hóa xuất nhập khẩu, đào tạo nghề.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI DẦU PHƯƠNG ĐÔNG VIỆT

- Vốn điều lệ : 140,000,000,000
- Tỷ lệ phần sở hữu : 54.27%
- Tỷ lệ quyền biểu quyết : 54.27%
- Nơi đăng ký hoạt động : P806, lầu 08 Citilight Tower, số 45 Võ Thị Sáu, P. Đakao, Q. 1, Tp. HCM
- Ngành nghề kinh doanh:
 - Kinh doanh vận tải biển; Kinh doanh vận tải hàng hóa bằng ô tô; Kinh doanh vận tải hàng hóa đường thủy nội địa; Dịch vụ môi giới hàng hải; Dịch vụ cung ứng tàu biển; Đại lý hàng hải; Dịch vụ sửa chữa tàu biển (không hoạt động tại Trụ sở); Cho thuê phương tiện vận tải: tàu biển, xe ô tô, xe cơ giới; Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét; Dạy nghề; Chuẩn bị mặt bằng.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI DẦU KHÍ ĐÔNG DƯƠNG

- Vốn điều lệ : 100,000,000,000
- Tỷ lệ phần sở hữu : 38.67%
- Tỷ lệ quyền biểu quyết : 73.00%
- Nơi đăng ký hoạt động : A55, ngõ 61, Trần Duy Hưng, P.Trung Hoà, Q.Cầu Giấy, TP.Hà nội
- Ngành nghề kinh doanh:
 - Kinh doanh dịch vụ taxi, dịch vụ vận tải, cho thuê xe hạng sang, mua bán hàng hóa, khí hóa lỏng, đại lý kinh doanh xăng dầu.



TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ QUỐC GIA VIỆT NAM
TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI DẦU KHÍ

Tầng 4, Tòa nhà H3, số 384 Hoàng Diệu, P.6, Q.4, Tp. Hồ Chí Minh, Việt Nam
Tel: (84.8) 3 911 1301 Fax: (84.8) 3 911 1300 Website: <http://www.pvtrans.com>

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ - VẬN TẢI DẦU KHÍ CỬU LONG

- Vốn điều lệ : 300,000,000,000
- Tỷ lệ phần sở hữu : 22.63%
- Tỷ lệ quyền biểu quyết : 60.00%
- Nơi đăng ký hoạt động : 18 Nguyễn Cửu Vân, Phường 17, Quận Bình Thạnh, Tp.HCM
- Ngành nghề kinh doanh:
 - Kinh doanh dịch vụ taxi, dịch vụ vận tải, cho thuê xe hạng sang, mua bán hàng hóa, khí hóa lỏng, đại lý kinh doanh xăng dầu, dịch vụ du lịch.

II Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán:

1. Niên độ kế toán của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01/2010 và kết thúc ngày 31/12/2010
2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán : Đồng Việt Nam

III Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

1. Chế độ kế toán áp dụng:

Công ty tuân thủ thực hiện báo cáo tài chính theo qui định tại QĐ số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 và hệ thống các chuẩn mực kế toán - kiểm toán do Bộ tài Chính đã ban hành.
2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán:

Công ty bảo đảm đã tuân thủ nghiêm túc và kịp thời các Chuẩn mực kế toán căn cứ vào các thông tư hướng dẫn của Bộ Tài Chính ban hành, đúng và đủ các qui định theo chế độ kế toán Việt Nam.
3. Hình thức kế toán áp dụng : Kế toán trên máy tính

IV Các chính sách kế toán áp dụng

1. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền :
 - Phương pháp chuyển đổi các đồng tiền khác ra đồng tiền sử dụng trong kế toán.

Tiền để lập báo cáo tài chính là đồng Việt Nam, các nghiệp vụ phát sinh có thu bằng ngoại tệ khác được quy đổi thành đồng Việt Nam theo tỷ giá liên ngân hàng tại thời điểm phát sinh.
2. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho:
 - Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho:

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung.
 - Phương pháp tính giá trị hàng tồn kho:

Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.
 - Phương pháp hạch toán hàng tồn kho: Kê khai thường xuyên
 - Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho:

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho hàng lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất khi giá ghi sổ của chúng cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại thời điểm kết thúc niên độ kế toán.
3. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao TSCĐ:
 - Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ (hữu hình, vô hình, thuê tài chính):

TSCĐ hữu hình được ghi nhận theo nguyên giá và giá trị còn lại được phân theo nhóm: Nhà cửa - vật kiến trúc; máy móc thiết bị; phương tiện vận tải và chuyên dùng; thiết bị dụng cụ quản lý. TSCĐ vô hình là chương



TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ QUỐC GIA VIỆT NAM
TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI DẦU KHÍ

Tầng 4, Tòa nhà H3, số 384 Hoàng Diệu, P.6, Q.4, Tp. Hồ Chí Minh, Việt Nam
Tel: (84.8) 3 911 1301 Fax: (84.8) 3 911 1300 Website: <http://www.pvtrans.com>

- Phương pháp khấu hao TSCĐ (hữu hình, vô hình, thuê tài chính):

Phương pháp khấu hao TSCĐ: phương pháp khấu hao đường thẳng, tỷ lệ khấu hao hàng năm được áp dụng phù hợp với Quyết Định 203/2009/TT-BTC do Bộ Tài Chính ban hành ngày 20/10/2009.

- Doanh nghiệp không được tiếp tục tính khấu hao đối với những TSCĐ hữu hình đã khấu hao hết giá trị nhưng vẫn còn sử dụng vào hoạt động sản xuất, kinh doanh

4. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao bất động sản đầu tư:

- Nguyên tắc ghi nhận bất động sản đầu tư:

+ Bất động sản đầu tư bao gồm quyền sử dụng đất để bán do Tổng Công ty nắm giữ nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê hoặc chờ tăng giá được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

+ Nguyên giá của bất động sản đầu tư được mua bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp như phí dịch vụ tư vấn về luật pháp liên quan, thuế trước bạ và chi phí giao dịch liên quan khác.

- Khấu hao bất động sản đầu tư:

5. Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính:

- Các khoản đầu tư vào công ty con:

+ Quyền kiểm soát của công ty mẹ đối với công ty con được xác định khi công ty mẹ nắm giữ trên 50% quyền biểu quyết ở công ty con

+ Công ty mẹ khi lập báo cáo tài chính hợp nhất phải hợp nhất các báo cáo tài chính của tất cả các công ty con ở trong và ngoài nước

+ Công ty mẹ không được loại trừ ra khỏi Báo cáo tài chính hợp nhất các Báo cáo tài chính của Công ty con có hoạt động kinh doanh khác biệt với hoạt động của tất cả các Công ty con khác trong Tập đoàn

- Các khoản đầu tư vào công ty liên kết:

Công ty liên kết là một công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này

Kết quả hoạt động kinh doanh, tài sản và công nợ của các công ty liên kết được hợp nhất trong báo cáo tài chính sử dụng phương pháp vốn chủ sở hữu. Các khoản góp vốn liên kết được trình bày trong bảng cân đối kế toán theo giá gốc được điều chỉnh theo những thay đổi trong phần vốn góp của Công ty vào phần tài sản thuần của công ty liên kết sau ngày mua khoản đầu tư

- Các khoản đầu tư vốn góp vào cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát:

- Các khoản đầu tư chứng khoán ngắn hạn:

+ Các khoản đầu tư chứng khoán được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua khoản đầu tư chứng khoán và được xác định giá trị ban đầu theo nguyên giá và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư chứng khoán.

+ Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán được lập cho các khoản đầu tư chứng khoán tự do trao đổi có giá trị ghi sổ cao hơn giá thị trường tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

- Các khoản đầu tư ngắn hạn, dài hạn khác:

+ Các khoản đầu tư dài hạn khác thể hiện khoản đầu tư vào các công ty khác mà Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc không có ảnh hưởng đáng kể.

+ Các khoản đầu tư dài hạn được xác định giá trị ban đầu theo nguyên giá và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư dài hạn. Tại các kỳ kế toán tiếp theo, các khoản đầu tư dài hạn được xác định theo nguyên giá trừ các khoản giảm giá đầu tư dài hạn.

- Phương pháp lập dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn, dài hạn:

6. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí đi vay:



TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ QUỐC GIA VIỆT NAM
TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI DẦU KHÍ

Tầng 4, Tòa nhà H3, số 384 Hoàng Diệu, P.6, Q.4, Tp. Hồ Chí Minh, Việt Nam
Tel: (84.8) 3 911 1301 Fax: (84.8) 3 911 1300 Website: <http://www.pvtrans.com>

Nguyên tắc ghi nhận chi phí đi vay: Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

- Tỷ lệ vốn hóa được sử dụng để xác định chi phí đi vay được vốn hóa trong kỳ:

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

7. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí khác :

- Chi phí trả trước dài hạn có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Tổng Công ty với thời hạn từ một năm trở lên.
- Chi phí xây dựng cơ bản dở dang:

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng hoặc sản xuất phục vụ mục đích kinh doanh được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm cả chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan được ghi nhận phù hợp với chính sách kế toán của Tổng Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

- Phương pháp phân bổ chi phí trả trước : Chi phí trả trước dài hạn được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ một đến ba năm kể từ ngày phát sinh.
- Phương pháp và thời gian phân bổ lợi thế thương mại:

8. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả:

Việc ghi nhận doanh thu và chi phí phải phù hợp với nhau. Khi ghi nhận một khoản doanh thu thì phải ghi nhận một khoản chi phí tương ứng có liên quan đến việc tạo ra doanh thu đó. Chi phí tương ứng với doanh thu gồm chi phí của kỳ tạo ra doanh thu và chi phí của các kỳ trước hoặc chi phí phải trả nhưng liên quan đến doanh thu của kỳ đó.

9. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí trả trước, dự phòng:

- Chi phí trả trước được ghi nhận khi các nghiệp vụ phát sinh đã hoàn thành, có chứng từ hợp lệ, tuân thủ nguyên tắc chi phí phù hợp doanh số sẽ thu.
 - Các khoản dự phòng chỉ thực hiện khi có phát sinh phù hợp qui định của Bộ Tài Chính cho phép.
- Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

10. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu:

- Vốn chủ sở hữu được phản ánh trong Bảng cân đối kế toán, gồm: vốn của các nhà đầu tư, thặng dư vốn cổ phần, lợi nhuận giữ lại, các quỹ, lợi nhuận chưa phân phối, chênh lệch tỷ giá và chênh lệch đánh giá lại tài sản.
- Ghi nhận và trình bày cổ phiếu mua lại: Căn cứ điều lệ hoạt động, cổ phiếu đang lưu hành được mua lại là cổ phiếu ngân quỹ được hạch toán giảm nguồn vốn cổ phần.
- Ghi nhận cổ tức: Cổ tức được ghi nhận trên cơ sở trích theo tỷ lệ đăng ký trên lợi nhuận sau thuế được thông qua tại kỳ họp đại hội cổ đông thường niên.
- Nguyên tắc trích lập các khoản dự trữ các quỹ từ lợi nhuận sau thuế: Các quỹ Công ty được ghi nhận trên cơ sở trích theo tỷ lệ % trên lợi nhuận sau thuế được thông qua tại kỳ họp đại hội cổ đông thường niên.

11. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu:

- Doanh thu cung cấp dịch vụ: được ghi nhận khi các giao dịch về cung cấp dịch vụ phát sinh theo yêu cầu được xác định đã hoàn thành, giá trị hợp lý, chắc chắn sẽ thu hoặc đã thu.
- Doanh thu hoạt động tài chính: là các khoản thu từ lãi tiền gửi ngân hàng, lợi nhuận được chia từ việc góp vốn liên doanh.

12. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính:



TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ QUỐC GIA VIỆT NAM
TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI DẦU KHÍ

Tầng 4, Tòa nhà H3, số 384 Hoàng Diệu, P.6, Q.4, Tp. Hồ Chí Minh, Việt Nam
Tel: (84.8) 3 911 1301 Fax: (84.8) 3 911 1300 Website: <http://www.pvtrans.com>

13. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại:

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại. Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

- Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên bảng cân đối kế toán và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại được kế toán theo phương pháp dựa trên bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

- Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Tổng Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Tổng Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

14. Các nghiệp vụ dự phòng rủi ro hối đoái.

- Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi ra đồng Việt Nam tại thời điểm ghi nhận trong sổ sách kế toán theo tỷ giá liên ngân hàng.

15. Các nguyên tắc và phương pháp kế toán khác:

- Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm báo cáo tài chính của Công ty mẹ và báo cáo tài chính của các công ty do Công ty mẹ kiểm soát cho đến ngày 31 tháng 12 hàng năm. Việc kiểm soát này đạt được khi Công ty mẹ có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty được đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này

Trong trường hợp cần thiết, báo cáo tài chính của các công ty con được điều chỉnh để các chính sách kế toán được áp dụng thống nhất tại Công ty mẹ và các công ty con

Tất cả các nghiệp vụ và số dư giữa các công ty trong Tổng Công ty được loại bỏ khi hợp nhất báo cáo tài chính.

Lợi ích của cổ đông thiểu số trong tài sản thuần của công ty con được xác định là một chỉ tiêu riêng biệt tách khỏi phần vốn chủ sở hữu của Tổng Công ty. Lợi ích của cổ đông thiểu số bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông thiểu số tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông thiểu số trong sự biến động của vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ các cổ đông thiểu số phải gánh chịu vượt quá phần vốn của họ trong vốn chủ sở hữu của công ty con được ghi giảm vào phần lợi ích của Tổng Công ty trừ khi các cổ đông này có nghĩa vụ ràng buộc và có khả năng bù đắp khoản lỗ đó

- Hợp nhất kinh doanh

Tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con được xác định theo giá trị hợp lý tại ngày mua công ty con. Bất kỳ khoản phụ trội nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận là lợi thế kinh doanh. Bất kỳ khoản thiếu hụt nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ kế toán phát sinh hoạt động mua công ty con.

Lợi ích của cổ đông thiểu số tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu được xác định trên cơ sở tỷ lệ của cổ đông thiểu số trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng được ghi nhận



TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ QUỐC GIA VIỆT NAM
TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI DẦU KHÍ

Tầng 4, Tòa nhà H3, số 384 Hoàng Diệu, P.6, Q.4, Tp. Hồ Chí Minh, Việt Nam
Tel: (84.8) 3 911 1301 Fax: (84.8) 3 911 1300 Website: <http://www.pvtrans.com>

VI- Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Bảng cân đối kế toán và Báo cáo kết quả HĐKD

01- Tiền và các khoản tương đương tiền	Quý báo cáo	Đầu năm
- Tiền mặt	3,531,200,791	4,507,481,613
- Tiền gửi ngân hàng	350,716,335,699	127,462,430,045
- Tiền đang chuyển	-	-
- Các khoản tương đương tiền	677,131,918,600	885,553,241,798
Cộng	1,031,379,455,090	1,017,523,153,456

02- Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	Quý báo cáo	Đầu năm
- Chứng khoán đầu tư ngắn hạn	6,641,136,080	6,853,396,000
- Đầu tư ngắn hạn khác (TGNH có kỳ hạn > 3 tháng ~ 1 năm)	253,724,320,904	60,016,420,219
- Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	(3,801,973,080)	(3,165,691,000)
Cộng	256,563,483,904	63,704,125,219

	<u>Số lượng</u>		<u>Giá trị</u>	
	Quý báo cáo	Đầu năm	Quý báo cáo	Đầu năm
- Cổ phiếu đầu tư ngắn hạn				
DPM : TCT Phân đạm và Hóa chất dầu khí	9,000	17,000	654,734,080	1,236,720,000
HAP : Cty Hapaco - HAP	18,975	18,975	1,071,810,000	1,071,810,000
PVD : TCT Khoan và DV Khoan dầu	3,200	2,400	314,604,000	306,604,000
SSI : Cty CP Chứng khoán Sài Gòn	44,000	22,000	3,141,832,000	2,921,832,000
STB : NH TMCP Sài Gòn Thương Tín	40,365	29,900	1,458,156,000	1,316,430,000
	115,540	90,275	6,641,136,080	6,853,396,000

03- Các khoản phải thu ngắn hạn khác	Quý báo cáo	Đầu năm
- Phải thu của khách hàng.	451,268,510,154	295,358,659,805
- Trả trước cho người bán.	64,201,064,840	37,889,043,873
- Phải thu nội bộ	-	-
- Phải thu theo tiến độ kế hoạch HĐ xây dựng.	-	-
- Tạm ứng	6,572,185,239	3,552,848,961
- Thẻ chấp, ký cược, ký quỹ ngắn hạn	2,120,006,907	1,006,076,000
- Phải thu khác	111,191,821,066	34,001,927,866
Cộng	635,353,588,206	371,808,556,505

04- Hàng tồn kho	Quý báo cáo	Đầu năm
- Hàng mua đang đi đường	-	-
- Nguyên liệu, vật liệu, PT thay thế	97,118,750,524	78,394,895,941
- Công cụ dụng cụ	1,734,424,694	1,154,549,099



TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ QUỐC GIA VIỆT NAM
TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI DẦU KHÍ

Tầng 4, Tòa nhà H3, số 384 Hoàng Diệu, P.6, Q.4, Tp. Hồ Chí Minh, Việt Nam
Tel: (84.8) 3 911 1301 Fax: (84.8) 3 911 1300 Website: <http://www.pvtrans.com>

- Chi phí SXKD dở dang	6,470,199,973	2,618,461,239
- Thành phẩm	-	-
- Hàng hóa	10,382,776,906	3,314,450,443
- Hàng gửi đi bán	-	-
- Hàng hoá kho bảo thuế	-	-
- Hàng hoá bất động sản	-	-
Cộng giá gốc hàng tồn kho	115,706,152,097	85,482,356,722

* Giá trị ghi sổ của hàng tồn kho (Giá gốc trừ (-) dự phòng giảm giá hàng tồn kho) đã dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo cho các khoản nợ phải trả :

- -

* Giá trị hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho trong năm :

- -

* Các trường hợp hoặc sự kiện dẫn đến phải trích thêm hoặc hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho :

- -

05- Thuế và các khoản phải thu Nhà nước

- Thuế thu nhập doanh nghiệp nộp thừa
- Thuế GTGT phải thu nhà nước
- Các khoản phải thu Nhà nước:

Quý báo cáo	Đầu năm
3,865,914,874	896,000
19,168,753,951	10,821,100,464
161,854,743	-
23,196,523,568	10,821,996,464

Cộng

06- Phải thu dài hạn nội bộ

- Cho vay dài hạn nội bộ
- Phải thu dài hạn nội bộ khác
-

Quý báo cáo	Đầu năm
-	-
-	-
-	-
-	-

Cộng

07- Phải thu dài hạn khác

- Ký quỹ, ký cược dài hạn
- Các khoản tiền nhận uỷ thác
- Cho vay không có lãi
- Phải thu dài hạn khác

Quý báo cáo	Đầu năm
14,144,167,575	2,207,272,000
-	-
-	-
969,508,500	-
15,113,676,075	2,207,272,000

Cộng

Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình:

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải truyền dẫn	Thiết bị dụng cụ quản lý	Tài sản khác	Tổng cộng
Giá trị gốc TSCĐ hữu hình đầu năm	1,118,973,799	6,199,120,168	5,996,181,769,582	6,834,151,266	299,507,359	6,010,633,522,174
Mua trong kỳ	-	84,237,364	(2,080,436,992)	399,600,046	-	(1,596,599,582)
Đầu tư XD CB hoàn thành	-	-	-	-	-	-
Tăng khác	-	664,700,223	106,322,512,356	36,393,017	-	107,023,605,596
Chuyển sang BĐS đầu tư	-	-	-	-	-	-
Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	-	-
Giảm khác	-	(109,116,044)	(7,436,311,655)	-	-	(7,545,427,699)
Giá trị gốc TSCĐ hữu hình cuối kỳ	1,118,973,799	6,838,941,711	6,092,987,533,291	7,270,144,329	299,507,359	6,108,515,100,489
Giá trị hao mòn lũy kế đầu năm	255,810,772	1,352,414,538	1,466,810,361,799	4,258,731,351	42,443,927	1,472,719,762,387
Khấu hao trong kỳ	58,580,897	245,289,136	138,613,456,600	451,638,380	(38,127,308)	139,330,837,705
Tăng khác	-	506,988,813	4,387,425,478	9,965,476	-	4,904,379,767
Chuyển sang BĐS đầu tư	-	-	-	-	-	-
Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	-	-
Giảm khác	-	(20,848,563)	(5,128,214,216)	(6,101,172)	(4,058,619)	(5,159,222,570)
Giá trị hao mòn lũy kế cuối kỳ	314,391,669	2,083,843,924	1,604,683,029,661	4,714,234,035	258,000	1,611,795,757,289
Giá trị còn lại của TSCĐ HH						
Tại ngày đầu kỳ	863,163,027	4,846,705,630	4,529,371,407,783	2,575,419,915	257,063,432	4,537,913,759,787
Tại ngày cuối kỳ	804,582,130	4,755,097,787	4,488,304,503,630	2,555,910,294	299,249,359	4,496,719,343,200

Giá trị còn lại cuối kỳ của TSCĐ hữu hình đã dùng thế chấp, cầm cố các khoản vay

3,470,830,227,905

Nguyên giá TSCĐ cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng

6,095,497,593

Giá trị còn lại TSCĐ cuối kỳ chờ thanh lý

Các cam kết về việc mua, bán TSCĐ hữu hình có giá trị lớn trong tương lai

ng, giảm tài sản cố định thuế tài chính:

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải truyền dẫn	Thiết bị dụng cụ quản lý	Tài sản khác	TSCĐ vô hình	Tổng cộng
giá TSCĐ thuế tài chính	-	-	-	-	-	-	-
ầu kỳ							
ế tài chính trong kỳ							
a lại TSCĐ thuế tài chính							
ng khác							
lại TSCĐ thuế tài chính							
im khác							
uối kỳ							
hao mòn lũy kế	-	-	-	-	-	-	-
ầu kỳ							
ầu hao trong kỳ							
a lại TSCĐ thuế tài chính							
ng khác							
à lại TSCĐ thuế tài chính							
ăm khác							
uối kỳ							
còn lại của TSCĐ thuế TC	-	-	-	-	-	-	-
i ngày đầu kỳ							
i ngày cuối kỳ							

- Tiền thuế phát sinh thêm được ghi nhận là chi phí trong kỳ

- Căn cứ để xác định tiền thuế phát sinh thêm;

- Điều khoản gia hạn thuế hoặc quyền được mua tài sản.

10- Tăng, giảm tài sản cố định vô hình:

Khoản mục	Quyền sử dụng đất	Bản quyền, bằng sáng chế	Nhãn hiệu hàng hoá	Phần mềm máy vi tính	TSCĐ vô hình khác	Tổng cộng
Nguyên giá TSCĐ vô hình						
Số dư đầu kỳ				1,162,126,520		1,162,126,520
- Mua trong kỳ				180,250,000		180,250,000
- Tạo ra từ nội bộ doanh nghiệp				-		
- Tăng khác				-		
- Thanh lý, nhượng bán				-		
- Giảm khác				-		
Số dư cuối kỳ				1,342,376,520		1,342,376,520
Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư đầu kỳ				540,425,407		540,425,407
- Khấu hao trong kỳ				66,423,738		66,423,738
- Tăng khác				-		-
- Thanh lý, nhượng bán				-		-
- Giảm khác				-		-
Số dư cuối kỳ				606,849,145		606,849,145
Giá trị còn lại của TSCĐVH						
- Tại ngày đầu kỳ	-	-	-	-	-	621,701,113
- Tại ngày cuối kỳ				735,527,375		735,527,375

* Các thay đổi khác về TSCĐ vô hình:



TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ QUỐC GIA VIỆT NAM
TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI DẦU KHÍ

Tầng 4, Tòa nhà H3, số 384 Hoàng Diệu, P.6, Q.4, Tp. Hồ Chí Minh, Việt Nam
Tel: (84.8) 3 911 1301 Fax: (84.8) 3 911 1300 Website: <http://www.pvtrans.com>

11- Chi phí xây dựng cơ bản dở dang:

- Chi phí xây dựng cơ bản dở dang:

Trong đó (Những công trình lớn):

+ Dự án đóng tàu dầu Aframax

+ Dự án đầu tư cảng Dung quất

+ Mua sắm TSCĐ

+ Dự án đầu tư trạm cấp nạp nhiên liệu

+ Công trình khác

Quý báo cáo

Đầu năm

939,155,052,687

914,871,303,718

921,351,765,265

852,603,839,937

3,490,311,117

2,513,405,201

10,965,148,231

58,439,364,999

3,277,828,074

311,090,577

70,000,000

326,321,150

12- Tăng, giảm bất động sản đầu tư:

Khoản mục	Số đầu năm/kỳ	Tăng trong năm	Giảm trong năm	Số cuối năm/kỳ
Nguyên giá bất động sản đầu tư	8,511,460,000	-	-	8,511,460,000
- Quyền sử dụng đất	8,511,460,000	-	-	8,511,460,000
- Nhà	-	-	-	-
- Nhà và quyền sử dụng đất	-	-	-	-
- Cơ sở hạ tầng	-	-	-	-
Giá trị hao mòn lũy kế	-	-	-	-
- Quyền sử dụng đất	-	-	-	-
- Nhà	-	-	-	-
- Nhà và quyền sử dụng đất	-	-	-	-
- Cơ sở hạ tầng	-	-	-	-
Giá trị còn lại BĐS đầu tư	8,511,460,000	-	-	8,511,460,000
- Quyền sử dụng đất	8,511,460,000	-	-	8,511,460,000
- Nhà	-	-	-	-
- Nhà và quyền sử dụng đất	-	-	-	-
- Cơ sở hạ tầng	-	-	-	-

** Thuyết minh số liệu và giải trình khác:*

Bất động sản đầu tư thể hiện giá trị của 3 lô đất đầu tư của Tổng công ty tại khu dân cư Phước Long A Bắc rạch chieß, Quận 9, Tp.HCM

Bất động sản đầu tư thể hiện giá trị lô đất đầu tư của Tổng công ty tại Tỉnh Hậu Giang



TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ QUỐC GIA VIỆT NAM
TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI DẦU KHÍ

Tầng 4, Tòa nhà H3, số 384 Hoàng Diệu, P.6, Q.4, Tp. Hồ Chí Minh, Việt Nam
Tel: (84.8) 3 911 1301 Fax: (84.8) 3 911 1300 Website: <http://www.pvtrans.com>

13- Đầu tư dài hạn khác:

	Quý báo cáo	Đầu năm
- Đầu tư cổ phiếu	-	-
- Đầu tư trái phiếu	-	-
- Đầu tư tín phiếu, kỳ phiếu	-	-
- Cho vay dài hạn	-	-
- Đầu tư dài hạn khác:	57,154,026,600	23,837,675,200
Cộng	57,154,026,600	23,837,675,200

<u>Trong đó</u>	Đầu tư vào PVKEEZ	45,937,767,300	-
	Đầu tư vào Khu công nghiệp Idico Long sơn	10,011,000,000	10,011,000,000
	Đầu tư máy cắt lớp Bệnh viện Hữu nghị	1,205,259,300	1,826,675,200
	Đầu tư dài hạn tiền gửi ngân hàng	-	12,000,000,000

14- Chi phí trả trước dài hạn

	Quý báo cáo	Đầu năm
- Chi phí trả trước về thuê hoạt động TSCĐ		
- Chi phí thành lập doanh nghiệp		
- Chi phí nghiên cứu có giá trị lớn		
- Chi phí cho giai đoạn triển khai không đủ tiêu chuẩn ghi nhận TSCĐ vô hình		
- Chi phí trả trước chờ phân bổ	176,732,809,832	147,771,488,875
Cộng	176,732,809,832	147,771,488,875

<u>Trong đó</u>	Chi phí phân bổ từ 1 - 2 năm	20,331,285,160	-
	Chi phí phân bổ từ 2 - 5 năm	156,401,524,672	-
	Chi phí phân bổ > 5 năm	-	-

15- Vay và nợ ngắn hạn

	Quý báo cáo	Đầu năm
- Vay ngắn hạn	339,665,376,000	350,484,479,397
- Nợ dài hạn đến hạn trả	571,102,146,688	232,957,245,634
Cộng	910,767,522,688	583,441,725,031

<u>Trong đó</u>	Nợ vay Tổng Công ty tài chính CP dầu khí	339,665,376,000	350,484,479,397
	Nợ dài hạn đến hạn Ngân hàng Citibank	186,761,378,064	-
	Nợ dài hạn đến hạn TCT tài chính CP dầu khí	94,368,460,786	28,553,190,009
	Nợ dài hạn đến hạn trả NH ngoại thương	96,659,692,500	91,600,018,125
	Nợ dài hạn đến hạn trả NH NN&PTNT	46,146,750,000	43,731,187,500
	Nợ dài hạn đến hạn trả NH Natixi	72,888,200,000	69,072,850,000
	Nợ dài hạn đến hạn trả NH Viet tin	13,522,857,143	-
	Nợ dài hạn đến hạn trả NH Habubank	36,917,400,000	-
	Nợ dài hạn đến hạn trả NH Indovina	23,300,937,640	-
	Nợ dài hạn đến hạn trả NH Đại Dương	330,165,000	-



TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ QUỐC GIA VIỆT NAM
TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI DẦU KHÍ

Tầng 4, Tòa nhà H3, số 384 Hoàng Diệu, P.6, Q.4, Tp. Hồ Chí Minh, Việt Nam
Tel: (84.8) 3 911 1301 Fax: (84.8) 3 911 1300 Website: <http://www.pvtrans.com>

Nợ dài hạn đến hạn trả NH GP Bank

206,305,555

-

16- Thuế và các khoản phải nộp nhà nước

Quý báo cáo

Đầu năm

- Thuế giá trị gia tăng	13,791,286,341	8,407,771,917
- Thuế tiêu thụ đặc biệt	1,535,982	-
- Thuế xuất, nhập khẩu	71,670,899	-
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	3,478,243,810	10,794,325,584
- Thuế thu nhập cá nhân	1,718,282,011	1,517,267,640
- Thuế tài nguyên	-	-
- Thuế nhà đất	-	-
- Tiền thuê đất	-	-
- Thuế nhà thầu	289,987,279	421,225,862
- Các khoản phải nộp khác	9,136,767,406	323,403,188

Cộng

28,487,773,728

21,463,994,191

17- Chi phí phải trả

Quý báo cáo

Đầu năm

- Chi phí phải trả khác	65,245,755,844	112,294,294,915
- Chi phí lãi vay phải trả	44,650,200,858	-
- Quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm	268,366,878	290,911,675
- Chi phí sửa chữa lớn TSCĐ	29,532,103,435	-
- Chi phí trong thời gian ngừng kinh doanh	-	-

Cộng

139,696,427,015

112,585,206,590

18- Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

Quý báo cáo

Đầu năm

- Tài sản thừa chờ giải quyết	-	-
- Kinh phí công đoàn	1,558,575,664	1,129,478,382
- Bảo hiểm xã hội	1,104,818,836	224,282,513
- Bảo hiểm y tế	222,235,978	72,197,451
- Bảo hiểm thất nghiệp	82,745,170	23,382,922
- Phải trả khác về Cổ phần hoá	-	-
- Doanh thu chưa thực hiện	-	-
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	40,204,294,467	298,478,437,016

Cộng

43,172,670,115

299,927,778,284

19- Phải trả dài hạn nội bộ

Quý báo cáo

Đầu năm

- Vay dài hạn nội bộ	-	-
- Phải trả dài hạn nội bộ khác	-	-

Cộng

-

-

20- Vay và nợ dài hạn

Quý báo cáo

Đầu năm



TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ QUỐC GIA VIỆT NAM
TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI DẦU KHÍ

Tầng 4, Tòa nhà H3, số 384 Hoàng Diệu, P.6, Q.4, Tp. Hồ Chí Minh, Việt Nam
Tel: (84.8) 3 911 1301 Fax: (84.8) 3 911 1300 Website: <http://www.pvtrans.com>

a) Vay dài hạn	3,192,480,897,962	2,693,114,156,591
- Vay ngân hàng	3,192,480,897,962	2,693,114,156,591
- Vay đối tượng khác	-	-
- Trái phiếu phát hành	-	-
b) Nợ dài hạn	-	-
- Thuê tài chính	-	-
- Nợ dài hạn khác	-	-
Cộng	3,192,480,897,962	2,693,114,156,591

<u>Trong đó</u> Ngân hàng Citibank	1,420,931,117,181	1,448,922,954,809
Ngân hàng ngoại thương	454,226,010,000	522,049,460,625
Ngân hàng NN&PTNT	69,220,125,000	109,327,968,750
Ngân hàng Natixi	473,773,300,000	518,046,375,000
Ngân hàng GP Bank	1,676,893,169	1,676,893,169
Ngân hàng Ocean Bank	372,223,233	399,467,600
Ngân hàng Việt tin	113,330,342,857	-
Ngân hàng Habubank	123,058,000,000	-
Ngân hàng Indovina	128,155,062,360	-
Công ty tài chính dầu khí	407,737,824,162	92,691,036,638

- Các khoản nợ thuế tài chính

	Năm nay			Năm trước		
	Tổng khoản T. toán tiền thuế tài chính	Trả tiền lãi thuế	Trả nợ gốc	Tổng khoản T. toán tiền thuế tài chính	Trả tiền lãi thuế	Trả nợ gốc
Từ 1 năm trở xuống						
Trên 1 - 5 năm						
Trên 5 năm						

21- Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả

a) Tài sản thuế thu nhập hoãn lại:

- Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ
- Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến khoản lỗ tính thuế chưa sử dụng
- Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến khoản ưu đãi tính thuế chưa sử dụng
- Khoản hoàn nhập tài sản thuế thu nhập hoãn lại đã được ghi nhận từ các năm trước

	Quý báo cáo	Đầu năm
	926,282,309	795,317,042
Cộng	926,282,309	795,317,042

b) Thuế thu nhập hoãn lại phải trả

- Thuế thu nhập hoãn lại phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế
- Khoản hoàn nhập thuế thu nhập hoãn lại phải trả đã được ghi nhận từ các năm trước
- Thuế thu nhập hoãn lại phải trả

	Quý báo cáo	Đầu năm
--	-------------	---------

Đón chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu ngân quỹ (*)	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận chưa phân phối	Tổng cộng
A	1	2	3	4	5	6	7	8	9
Đầu năm trước	720,000,000,000	-	-	(41,228,063,000)	1,113,048,267	1,051,390,410	2,268,817	67,129,523,462	748,068,167,956
Trong vốn trong kỳ	756,000,000,000	-	-	-	20,243,505,023	3,698,189,114	1,427,458,532	-	781,369,152,669
Trong kỳ	-	-	-	-	-	-	-	8,727,021,452	8,727,021,452
ng khác	-	-	-	-	-	-	-	-	-
ăm vốn trong kỳ	-	-	-	71,598,918,715	-	-	230,000,000	-	71,828,918,715
trong kỳ	-	-	-	-	-	-	-	-	-
ăm khác	-	-	-	-	-	-	-	29,429,300,620	29,429,300,620
cuối năm trước	1,476,000,000,000	-	-	(112,826,981,715)	21,356,553,290	4,749,579,524	1,199,727,349	46,427,244,294	1,436,906,122,742
đầu kỳ này	2,326,000,000,000	271,338,821	-	(122,533,766,644)	42,148,145,307	16,364,590,580	2,406,590,870	41,145,251,207	2,305,802,150,141
Trong vốn trong kỳ	-	-	-	-	357,276,343	178,638,171	-	-	535,914,514
ti trong kỳ	-	-	-	-	-	-	-	7,696,737,244	7,696,737,244
ng khác	-	-	-	-	-	-	-	4,844,190,308	4,844,190,308
ăm vốn trong kỳ	-	-	-	(9,158,326,103)	-	-	-	-	(9,158,326,103)
trong kỳ	-	-	-	-	-	-	-	-	-
ăm khác	-	-	-	-	-	-	-	-	-
cuối kỳ này	2,326,000,000,000	271,338,821	-	(113,375,440,541)	42,505,421,650	16,543,228,751	2,406,590,870	53,686,178,759	2,328,037,318,310



TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ QUỐC GIA VIỆT NAM
TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI DẦU KHÍ

Tầng 4, Tòa nhà H3, số 384 Hoàng Diệu, P.6, Q.4, Tp. Hồ Chí Minh, Việt Nam
Tel: (84.8) 3 911 1301 Fax: (84.8) 3 911 1300 Website: <http://www.pvtrans.com>

b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quý báo cáo	Đầu năm
- Vốn góp của Tập đoàn Dầu khí Quốc gia Việt nam	1,358,499,460,000	867,730,000,000
- Vốn góp của các đối tượng khác	967,500,540,000	608,270,000,000
Cộng	2,326,000,000,000	1,476,000,000,000

* Giá trị trái phiếu đã chuyển thành cổ phiếu trong năm

* Số lượng cổ phiếu quỹ

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Quý báo cáo	Quý năm trước
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu	-	-
+ Vốn góp đầu Năm/Quý	1,476,000,000,000	1,476,000,000,000
+ Vốn góp tăng trong Quý/năm	850,000,000,000	-
+ Vốn góp giảm trong Quý/Năm	-	-
+ Vốn góp cuối Năm/Quý	2,326,000,000,000	1,476,000,000,000
- Cổ tức, lợi nhuận đã chia		

d) Cổ tức

- Cổ tức đã công bố sau ngày kết thúc niên độ kế toán :
 - + Cổ tức đã công bố trên cổ phiếu thường: -
 - + Cổ tức đã công bố trên cổ phiếu ưu đãi :
- Cổ tức của cổ phiếu ưu đãi lũy kế chưa được ghi nhận :

đ) Cổ phiếu

	Quý báo cáo	Đầu năm
- Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	232,600,000	147,600,000
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	232,600,000	147,600,000
+ Cổ phiếu thường	232,600,000	147,600,000
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
- Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
+ Cổ phiếu thường	-	-
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	232,600,000	147,600,000
+ Cổ phiếu thường	232,600,000	147,600,000
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-

* Mệnh giá cổ phiếu : 10.000 đồng

e) Các quỹ của Doanh nghiệp	61,455,241,271	27,305,860,163
- Quỹ đầu tư phát triển	42,505,421,650	21,356,553,290
- Quỹ Dự phòng tài chính	16,543,228,751	4,749,579,524
- Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	2,406,590,870	1,199,727,349
- Quỹ khen thưởng, phúc lợi		

* Mục đích trích lập và sử dụng các quỹ của Doanh nghiệp



TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ QUỐC GIA VIỆT NAM
TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI DẦU KHÍ

Tầng 4, Tòa nhà H3, số 384 Hoàng Diệu, P.6, Q.4, Tp. Hồ Chí Minh, Việt Nam
Tel: (84.8) 3 911 1301 Fax: (84.8) 3 911 1300 Website: <http://www.pvtrans.com>

g) Thu nhập và chi phí, lãi hoặc lỗ được hạch toán trực tiếp vào Vốn chủ sở hữu theo qui định của các chuẩn mực kế toán cụ thể

23- Nguồn kinh phí	Quý báo cáo	Quý năm trước
- Nguồn kinh phí được cấp trong năm	-	-
- Chi sự nghiệp	-	-
- Nguồn kinh phí còn lại cuối kỳ	-	-

24- Tài sản thuê ngoài	Quý báo cáo	Quý năm trước
(1)- Giá trị tài sản thuê ngoài		
- TSCĐ thuê ngoài	-	-
- TS khác thuê ngoài	-	-
(2)- Tổng số tiền thuê tối thiểu trong tương lai của Hợp đồng thuê hoạt động TSCĐ không hủy ngang theo các thời hạn		
- Từ 1 năm trở xuống	-	-
- Trên 1 năm đến 5 năm	-	-
- Trên 5 năm	-	-

VI. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

	Quý báo cáo	Quý năm trước
25- Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ (MS 01)	1,032,987,791,993	803,358,678,261
Trong đó		
- Doanh thu bán hàng	204,348,552,030	181,892,389,923
- Doanh thu cung cấp dịch vụ	828,639,239,963	621,466,288,338
- Doanh thu hợp đồng xây dựng (đ/với DN có hoạt động xây lắp)	-	-
+ Doanh thu hợp đồng xây dựng được ghi nhận trong kỳ		
+ Tổng doanh thu lũy kế của hợp đồng xây dựng được ghi nhận đến thời điểm lập báo cáo tài chính		
<i>Doanh thu theo loại hình</i>		
- Mua bán, thương mại	204,348,552,030	-
- Dịch vụ vận tải	751,995,172,600	-
- Dịch vụ cho thuê kho nổi (OFS)	60,037,670,872	-
- Dịch vụ khác	16,606,396,491	-

26- Các khoản giảm trừ doanh thu	-	(28,672,549)
Trong đó		
- Chiết khấu thương mại	-	(28,672,549)
- Giảm giá hàng bán	-	-
- Hàng bán bị trả lại	-	-
- Thuế GTGT phải nộp (PP trực tiếp)	-	-
- Thuế tiêu thu đặc biệt	-	-



TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ QUỐC GIA VIỆT NAM
TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI DẦU KHÍ

Tầng 4, Tòa nhà H3, số 384 Hoàng Diệu, P.6, Q.4, Tp. Hồ Chí Minh, Việt Nam
Tel: (84.8) 3 911 1301 Fax: (84.8) 3 911 1300 Website: <http://www.pvtrans.com>

- Thuế xuất khẩu

27- Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (MS 10) **1,032,987,791,993** **803,387,350,810**

Trong đó

- Doanh thu thuần trao đổi sản phẩm, hàng hóa 204,348,552,030 181,892,389,923
- Doanh thu thuần trao đổi dịch vụ 828,639,239,963 621,494,960,887

28- Giá vốn hàng bán (MS 11)

Quý báo cáo **Quý năm trước**

- Giá vốn của hàng hoá đã bán 197,624,091,746 174,637,963,042
- Giá vốn của thành phẩm đã bán
- Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp 743,832,939,289 512,813,241,495
- Giá vốn còn lại, chi phí nhượng bán, thanh lý của BĐS đầu tư đã bán
- Chi phí kinh doanh BĐS đầu tư
- Hao hụt, mất mát hàng tồn kho
- Các khoản chi phí vượt mức bình thường
- Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Cộng **941,457,031,035** **687,451,204,537**

Giá vốn theo loại hình

- Mua bán, thương mại 197,624,091,746 -
- Dịch vụ vận tải 704,107,821,981 -
- Dịch vụ cho thuê kho nổi (FSO) 37,008,997,476 -
- Dịch vụ khác 2,716,119,832 -

29- Doanh thu hoạt động tài chính (MS 21)

Quý báo cáo **Quý năm trước**

- Lãi tiền gửi, tiền cho vay 48,274,468,968 15,718,836,372
- Lãi đầu tư trái phiếu, kỳ phiếu, tín phiếu
- Cổ tức, lợi nhuận được chia 5,522,627,632 266,649,800
- Lãi bán ngoại tệ
- Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện 41,668,187,321 5,854,468,227
- Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện
- Lãi bán hàng trả chậm
- Doanh thu hoạt động tài chính khác

Cộng **95,465,283,921** **21,839,954,399**

30- Chi phí tài chính (MS 22)

Quý báo cáo **Quý năm trước**

- Lãi tiền vay ngân hàng 29,565,658,040 40,068,806,386
- Chiết khấu thanh toán, lãi bán hàng trả chậm
- Lỗ do thanh lý các khoản đầu tư ngắn hạn, dài hạn
- Lỗ bán ngoại tệ
- Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện 80,235,986,125 66,709,441,573



TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ QUỐC GIA VIỆT NAM
TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI DẦU KHÍ

Tầng 4, Tòa nhà H3, số 384 Hoàng Diệu, P.6, Q.4, Tp. Hồ Chí Minh, Việt Nam
Tel: (84.8) 3 911 1301 Fax: (84.8) 3 911 1300 Website: <http://www.pvtrans.com>

- Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	16,977,242,486	371,301,807
- Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư ngắn hạn, dài hạn	-	4,113,635,849
- Chi phí tài chính khác	(361,863,000)	-
Cộng	126,417,023,651	111,263,185,615

31- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành (MS 51)

Quý báo cáo Quý năm trước

- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	8,505,753,888	6,281,656,006
- Điều chỉnh thuế thu nhập doanh nghiệp của các năm trước vào chi phí thuế thu nhập hiện hành năm nay		
- Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	8,505,753,888	6,281,656,006

32- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại (MS 52)

Quý báo cáo Quý năm trước

- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời phải chịu thuế.	-	
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ việc hoàn nhập tài sản thuế thu nhập hoãn lại	-	
- Thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ	-	
- Thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ các khoản lỗ tính thuế và ưu đãi thuế chưa sử dụng	-	
- Thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ việc hoàn nhập thuế thu nhập hoãn lại phải trả	-	
- Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	-	

33- Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

Quý báo cáo Quý năm trước

- Chi phí nguyên liệu, vật liệu	534,655,849,270	232,153,284,182
- Chi phí nhân công	64,742,011,369	55,363,737,504
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	96,588,036,184	97,044,545,368
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	216,734,176,903	292,485,844,036
- Chi phí khác bằng tiền	54,446,324,412	42,141,439,304
Cộng	967,166,398,138	719,188,850,394

VII. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Báo cáo lưu chuyển tiền tệ

34- Các giao dịch không bằng tiền ảnh hưởng đến báo cáo lưu chuyển tiền tệ và các khoản tiền do doanh nghiệp nắm giữ nhưng không được sử dụng

a) Mua tài sản bằng cách nhận các khoản nợ liên quan trực tiếp hoặc thông qua nghiệp vụ cho thuê tài chính:

- Mua doanh nghiệp thông qua phát hành cổ phiếu	-
- Chuyển nợ thành vốn chủ sở hữu	-

b) Mua và thanh lý công ty con hoặc đơn vị kinh doanh khác trong kỳ báo cáo.

- Tổng giá trị mua hoặc thanh lý	-
- Phần giá trị mua hoặc thanh lý được thanh toán bằng tiền và các khoản phải thu	-



TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ QUỐC GIA VIỆT NAM
TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI DẦU KHÍ

Tầng 4, Tòa nhà H3, số 384 Hoàng Diệu, P.6, Q.4, Tp. Hồ Chí Minh, Việt Nam
Tel: (84.8) 3 911 1301 Fax: (84.8) 3 911 1300 Website: <http://www.pvtrans.com>

- Số tiền và các khoản tương đương tiền thực có trong công ty con hoặc đơn vị kinh doanh khác được mua hoặc thanh lý -

- Phần giá trị tài sản và công nợ không phải là tiền và các khoản tương đương tiền trong công ty con hoặc đơn vị kinh doanh khác được mua hoặc thanh lý trong kỳ. Giá trị tài sản này phải được tổng hợp theo từng loại tài sản. -

c) Doanh nghiệp phải trình bày giá trị và lý do của các khoản tiền và tương đương tiền lớn do doanh nghiệp nắm giữ nhưng không được sử dụng do có sự hạn chế của pháp luật hoặc các ràng buộc khác mà doanh nghiệp phải thực hiện -

VIII- Những thông tin khác:

1- Những khoản nợ tiềm tàng, khoản cam kết và những thông tin tài chính khác.:

1.1 Chênh lệch tỷ giá nợ ngắn hạn sẽ được ghi nhận vào lãi/lỗ tài chính trong các kỳ khi có giao dịch phát sinh :	6,430,825,111
1.2 Chênh lệch tỷ giá nợ dài hạn sẽ được:	(119,806,157,749)
- Phân bổ trong năm 2010	-
- Phân bổ trong năm 2011	43,877,071,602
- Phân bổ trong năm 2012	25,842,293,932
- Phân bổ trong năm 2013	24,251,825,181
- Phân bổ trong năm 2014	22,085,355,949
- Phân bổ trong năm 2015	3,749,611,086

1.3 Cam kết thuê hoạt động:

2- Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm :

3- Thông tin về các bên liên quan:

4- Trình bày tài sản, doanh thu, kết quả kinh doanh theo bộ phận (theo lĩnh vực kinh doanh hoặc khu vực địa lý) theo quy định của Chuẩn mực kế toán số 28 'Báo cáo bộ phận' (áp dụng cho công ty niêm yết):

5- Thông tin so sánh (những thay đổi về thông tin trong báo cáo tài chính của các niên độ kế toán trước):

6- Thông tin về hoạt động liên tục:

7- Những thông tin khác:

Lập, Ngày 16 tháng 2 Năm 2011

Người lập biểu

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Tổng Giám đốc

(Ký, họ tên, đóng dấu)